

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Lý Vương	Thảo	KQH012587	4	37.00	1.5	39.00
2	Dương Thị Bảo	Châu	SPH002228	4	36.00	0.5	36.67
3	Nguyễn An	Giang	SPH004532	3	36.00		36.00
4	Bùi Hà	Phượng	TLA010880	3	35.75		35.75
5	Phạm Hằng	Nga	SPH012206	4	35.50		35.50
6	Lê	Na	TDV019798	4	34.75	0.5	35.42
7	Hoàng Khánh	Linh	THP008243	4	34.75	0.5	35.42
8	Bùi Thị Thùy	Dung	SPH002977	4	34.75	0.5	35.42
9	Nguyễn Văn	Chính	HVN001255	4	34.75	0.5	35.42
10	Phạm Thị Việt	Nhân	HHA010414	4	35.00		35.00
11	Phan Hoài	Thu	TLA013199	4	34.25	0.5	34.92
12	Nguyễn Văn	Thanh	HVN009361	4	34.25	0.5	34.92
13	Nguyễn Hữu	Bách	TDV002014	4	34.25	0.5	34.92
14	Lê Tú	Quỳnh	SPH014494	4	32.75	1.5	34.75
15	Lưu Thanh	Thủy	KHA009796	4	34.75		34.75
16	Trần Hoàng	Anh	SPH001483	4	34.75		34.75
17	Phạm Ngọc	Anh	THV000586	2	32.75	1.5	34.75
18	Vương Thị Ngọc	Mai	KQH008869	4	34.00	0.5	34.67
19	Hà Thanh	Huyền	YTB009911	4	34.00	0.5	34.67
20	Doãn Nhật	Linh	TLA007637	4	34.50		34.50
21	Vương Nguyễn Hoàng	Yến	LNH011034	4	32.50	1.5	34.50
22	Vũ Thị Ngọc	Mai	THV008481	4	32.50	1.5	34.50
23	Lại Thị Ngọc	Mai	SPH010980	3	34.50		34.50
24	Nguyễn Thị	Phượng	TLA011186	3	33.50	0.5	34.17
25	Đinh Thị Thu	Giang	HDT006217	2	29.50	3.5	34.17
26	Trần Thùy	Linh	TND014820	4	32.00	1.5	34.00
27	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007932	4	34.00		34.00
28	Nghiêm Thị Lan	Hương	HHA006797	1	32.00	1.5	34.00
29	Nguyễn Bích	Thủy	BKA012656	4	33.25	0.5	33.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Phạm Thị Việt	Hà	YTB006150	4	33.00	0.5	33.67
31	Trịnh Thị	Hương	KQH006815	4	33.00	0.5	33.67
32	Trần Khánh	Trình	TDV033555	4	33.00	0.5	33.67
33	Phạm Thị	Quỳnh	BKA011121	4	33.00	0.5	33.67
34	Nguyễn Thị	Hạnh	TLA004432	2	33.00	0.5	33.67
35	Nguyễn Thị Thúy	Vân	SPH019290	4	33.50		33.50
36	Nguyễn Thị Huyền	Trang	TDV032551	4	32.75	0.5	33.42
37	Nguyễn Thảo	Nguyên	HHA010294	4	32.75	0.5	33.42
38	Bùi Thanh	Sơn	HDT021540	4	32.75	0.5	33.42
39	Bùi Thế	Cảnh	DCN001073	2	32.75	0.5	33.42
40	Nguyễn Thị Xong	Ngân	THV009303	4	30.00	2.5	33.33
41	Chu Thị Huyền	Bông	SPH002150	4	32.00	1.0	33.33
42	Lê Kiều	Minh	TLA009169	4	33.25		33.25
43	Đỗ Thị Linh	Chi	SPH002343	4	33.25		33.25
44	Trần Thị Mỹ	Linh	BKA007823	4	33.25		33.25
45	Lưu Thu	Trang	THV013776	3	31.25	1.5	33.25
46	Nguyễn Thị Thảo	Duyên	TQU001001	3	31.25	1.5	33.25
47	Đoàn Thị Ngọc	Mai	TSN008875	3	31.25	1.5	33.25
48	Bùi Thị Vũ	Hoa	THV004696	3	31.25	1.5	33.25
49	Phan Hoàng	Nam	SPH012017	2	33.25		33.25
50	Nguyễn Mỹ	Linh	TLA007965	1	33.25		33.25
51	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	SPH011408	1	33.25		33.25
52	Trần Thị Ngọc	Ly	BKA008349	4	32.50	0.5	33.17
53	Lê Thị Quỳnh	Hoa	HDT009228	4	32.50	0.5	33.17
54	Trần Thị Linh	Diệp	TND003502	3	28.50	3.5	33.17
55	Đặng Khánh	Huyền	BKA005936	2	32.50	0.5	33.17
56	Chu Thuỳ	Dương	TND004462	3	31.75	1.0	33.08
57	Trần Ngọc	Linh	BKA007800	4	33.00		33.00
58	Lê Tú	Anh	BKA000358	2	33.00		33.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Nguyễn Thúy	Quỳnh	SPH014554	4	32.25	0.5	32.92
60	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	YTB018425	4	32.25	0.5	32.92
61	Vương Phương	Anh	KQH000789	4	32.25	0.5	32.92
62	Nguyễn Thị	Trang	KQH014653	4	32.25	0.5	32.92
63	Nguyễn Thị Bảo	Thoa	TLA013067	3	32.25	0.5	32.92
64	Vũ Thu	Hiền	HHA004696	3	32.25	0.5	32.92
65	Nguyễn Thị	Huyền	HVN004671	4	31.50	1.0	32.83
66	Phạm Hồng	Nhung	SPH013150	4	32.75		32.75
67	Vũ Thùy	Dung	SPH003127	3	32.75		32.75
68	Bùi Thanh	Hằng	SPH005516	3	32.75		32.75
69	Vũ Thị Phương	Nhung	KQH010404	4	32.00	0.5	32.67
70	Đỗ Thị	Hường	TND012119	4	32.00	0.5	32.67
71	Nguyễn Quang	Hưng	THV006048	4	28.00	3.5	32.67
72	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TDV022430	3	32.00	0.5	32.67
73	Nguyễn Hồng	Hạnh	HHA004201	1	32.00	0.5	32.67
74	Dương Việt	Trình	KHA010663	4	32.50		32.50
75	Đào Trọng	Nghĩa	TND017678	4	30.50	1.5	32.50
76	Vũ Thị Phương	Thảo	SPH015859	3	32.50		32.50
77	Nguyễn Bảo	Châu	TTB000517	3	30.50	1.5	32.50
78	Nguyễn Thị Hương	Trà	TND025963	4	31.75	0.5	32.42
79	Hoàng Ngọc	Phong	TND019519	4	27.75	3.5	32.42
80	Nguyễn Thị	Thủy	THP014363	4	31.75	0.5	32.42
81	Hoàng Hạnh Minh	Châu	YTB002177	4	31.75	0.5	32.42
82	Vũ Diệu	Linh	KHA005954	4	31.75	0.5	32.42
83	Nguyễn Thu	Hiền	TND007968	3	31.75	0.5	32.42
84	Trần Ngọc Lam	Giang	SPH004667	4	32.25		32.25
85	Trần Hải	Nam	THV009056	4	30.25	1.5	32.25
86	Hoàng Thu	Hương	THV006154	4	30.25	1.5	32.25
87	Lê Thị Ngọc	ánh	SPH001763	4	32.25		32.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Nguyễn Thu	Hằng	SPH005682	4	32.25		32.25
89	Nguyễn Thị Khánh	Linh	TLA008029	4	32.25		32.25
90	Nguyễn Thị Huệ	Chi	TDV002941	4	30.25	1.5	32.25
91	Đoàn Thị Hồng	Chinh	HHA001668	4	30.25	1.5	32.25
92	Nguyễn Ngọc	Linh	SPH009831	3	32.25		32.25
93	Nguyễn Hoàng Chi	Mai	TLA008915	3	32.25		32.25
94	Vũ Thanh	Huyền	TTB002867	2	30.25	1.5	32.25
95	Nguyễn Thị	Ngân	SPH012307	1	32.25		32.25
96	Lê Đặng Việt	Mỹ	BKA008907	4	31.50	0.5	32.17
97	Đoàn Trúc	Phượng	HHA011074	4	31.50	0.5	32.17
98	Đỗ Thùy	Linh	TDV016293	4	31.50	0.5	32.17
99	Vũ Trường	Anh	TLA001373	4	31.50	0.5	32.17
100	Bùi Thị Hải	Anh	TLA000128	4	31.50	0.5	32.17
101	Nguyễn Thị Hải	Yến	HVN012514	4	31.50	0.5	32.17
102	Nguyễn Thị Kim	Ngân	SPH012301	3	31.50	0.5	32.17
103	Bạch Thị	Nga	SPH012090	2	30.75	1.0	32.08
104	Phạm Xuân	Trường	SPH018261	4	32.00		32.00
105	Trần Thùy	Linh	KHA005936	4	32.00		32.00
106	Nguyễn Thu	Trang	TLA014185	4	32.00		32.00
107	Bùi Thợ	Kiên	SPH008873	4	32.00		32.00
108	Nguyễn Quỳnh	Anh	SPH000949	3	32.00		32.00
109	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	TLA008062	2	30.00	1.5	32.00
110	Vũ Phương	Hà	LNH002604	2	30.00	1.5	32.00
111	Tạ Thị Hồng	Hải	TND006773	4	31.25	0.5	31.92
112	Nguyễn Thị Hà	Nhi	HVN007738	4	31.25	0.5	31.92
113	Ngô Thị Ngọc	Trâm	YTB023242	4	31.25	0.5	31.92
114	Vũ Thị Phương	Thảo	KHA009261	4	31.25	0.5	31.92
115	Trần Thị Thu	Trang	BKA013643	4	31.25	0.5	31.92
116	Lã Thị	Trang	TND026228	4	27.25	3.5	31.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Nguyễn Hồng	Phượng	THV010629	4	31.25	0.5	31.92
118	Nguyễn Như Thái	Linh	DCN006383	3	31.25	0.5	31.92
119	Nguyễn Thị ái	Lành	TDV015722	3	31.25	0.5	31.92
120	Nguyễn Thủy	Tiên	HVN010607	3	31.25	0.5	31.92
121	Vũ Diệu	Linh	HDT014967	3	27.25	3.5	31.92
122	Phạm Thu	Phượng	BKA010497	2	31.25	0.5	31.92
123	Vũ Thị Kiều	Diễm	KHA001544	4	30.50	1.0	31.83
124	Nguyễn Thị	Trang	HDT026950	4	30.50	1.0	31.83
125	Phạm Hồng	Nhung	HVN007875	4	30.50	1.0	31.83
126	Lương Việt	Trình	YTB023328	4	30.50	1.0	31.83
127	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	THP012340	3	30.50	1.0	31.83
128	Dương Thị	Thảo	TND022829	2	30.50	1.0	31.83
129	Thái Thị	Hạnh	TDV008689	2	30.50	1.0	31.83
130	Nguyễn Thùy	Linh	SPH009993	4	31.75		31.75
131	Nguyễn Thực	Anh	BKA000656	4	31.75		31.75
132	Phạm Phương	Anh	SPH001334	4	31.75		31.75
133	Trần Thị Thu	Hoa	SPH006597	4	31.75		31.75
134	Phạm Quỳnh	Trang	THV013949	4	29.75	1.5	31.75
135	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	TLA000891	3	31.75		31.75
136	Hoàng Lệ	Quyên	SPH014338	3	31.75		31.75
137	Bùi Thu	Trang	SPH017271	3	31.75		31.75
138	Trần Ngọc	Anh	SPH001508	3	31.75		31.75
139	Nguyễn Thành	Công	SPH002680	2	31.75		31.75
140	Lê Thị	Hương	TLA006701	4	31.00	0.5	31.67
141	Phùng Thị Quỳnh	Trang	SPH017766	4	31.00	0.5	31.67
142	Nguyễn Diệu	Hoa	THV004742	4	27.00	3.5	31.67
143	Phạm Lê Ngọc	Mai	THP009258	4	31.00	0.5	31.67
144	Hoàng Hồng	Nga	TND017306	4	27.00	3.5	31.67
145	Bùi Mai	Anh	BKA000082	3	31.00	0.5	31.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Nguyễn Mạnh	Trí	THV014070	3	31.00	0.5	31.67
147	Sần Thành	Nam	THV009047	2	27.00	3.5	31.67
148	Trần Vũ Thanh	Tâm	YTB019066	3	30.25	1.0	31.58
149	Phan Như	Quỳnh	SPH014564	3	30.25	1.0	31.58
150	Trần Huệ	Trình	YTB023359	3	30.25	1.0	31.58
151	Nguyễn Văn	San	THV011224	4	29.50	1.5	31.50
152	Phạm Nguyễn Quang	Minh	SPH011497	4	31.50		31.50
153	Trần Văn	Anh	TLA001282	4	31.50		31.50
154	Dương Thị Thùy	Linh	THV007274	4	29.50	1.5	31.50
155	Lê Hương	Giang	TLA003824	4	31.50		31.50
156	Đinh Hương	Giang	HDT006211	4	29.50	1.5	31.50
157	Vũ Minh	Anh	TLA001342	4	31.50		31.50
158	Ngô Minh	Quân	TLA011350	4	31.50		31.50
159	Nguyễn Thúy	Hằng	THV004109	4	29.50	1.5	31.50
160	Lê Thị Ngọc	Hồng	HDT010096	3	29.50	1.5	31.50
161	Tăng Hoàng	Minh	BKA008740	2	31.50		31.50
162	Trần Thị	Quỳnh	YTB018449	4	30.75	0.5	31.42
163	Phan Thanh	Trà	DCN011602	4	30.75	0.5	31.42
164	Trần Vũ Thùy	Trang	THP015430	3	30.75	0.5	31.42
165	Nguyễn Ngọc	Phượng	HHA011152	2	30.75	0.5	31.42
166	Tăng Văn	Hiện	KQH004702	2	30.75	0.5	31.42
167	Nguyễn Phương	Thảo	SPH015691	2	30.00	1.0	31.33
168	Nguyễn Trần Thảo	My	BKA008874	4	31.25		31.25
169	Lê Trâm	Anh	SPH000560	4	31.25		31.25
170	Nguyễn Thùy	Dung	TLA002502	4	31.25		31.25
171	Nguyễn Thúy	Hạnh	SPH005408	4	31.25		31.25
172	Trần Hải	Nam	SPH012045	4	31.25		31.25
173	Trịnh Thu	Phượng	HHA011291	4	31.25		31.25
174	Phi Quang	Khải	THV006494	3	29.25	1.5	31.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Trần Khánh	Linh	SPH010153	2	31.25		31.25
176	Ngô Trang	Linh	SPH009686	2	31.25		31.25
177	Trần Hưng	Phúc	TDV023636	4	30.50	0.5	31.17
178	Cần Thị Thu	Trang	DCN011626	4	30.50	0.5	31.17
179	Phạm Thúy	Hiền	HDT008614	3	30.50	0.5	31.17
180	Mai Thị	Lệ	DHU010633	3	30.50	0.5	31.17
181	Trịnh Thị Thu	Thuỷ	KQH013541	3	30.50	0.5	31.17
182	Tống Kiên	Định	TDV006338	3	30.50	0.5	31.17
183	Bùi Hải	Công	TLA002126	2	28.50	2.0	31.17
184	Nguyễn Thị Hồng	Vân	THP016599	1	30.50	0.5	31.17
185	Hoàng Thị Thanh	Ngọc	TDV021093	4	29.75	1.0	31.08
186	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	YTB000867	4	29.75	1.0	31.08
187	Nông Đức	Minh	SPH011485	4	29.75	1.0	31.08
188	Trần Quốc	Lượng	KQH008562	3	29.75	1.0	31.08
189	Doãn Ngọc	ánh	TTB000304	4	29.00	1.5	31.00
190	Phạm Thị Linh	Phương	TDV024119	4	29.00	1.5	31.00
191	Đặng Việt	Hà	HHA003669	4	31.00		31.00
192	Phạm Thủy	Tiên	THV013353	4	29.00	1.5	31.00
193	Phan Thị	Minh	HHA009267	4	31.00		31.00
194	Nguyễn Thanh	Loan	SPH010336	4	31.00		31.00
195	Đỗ Huy	Khôi	SPH008831	4	31.00		31.00
196	Lê Thị	Thủy	TDV030364	4	29.00	1.5	31.00
197	Đào Thị Thu	Huyền	TDV013257	4	29.00	1.5	31.00
198	Đỗ Hà	Linh	TLA007647	3	31.00		31.00
199	Phan Thị Nguyên	Anh	TTN000582	3	29.00	1.5	31.00
200	Phạm Mạnh	Hưng	TLA006606	1	31.00		31.00
201	Phạm Thị Hải	Anh	THV000595	1	29.00	1.5	31.00
202	Đỗ Thị Phương	Mai	THV008359	4	30.25	0.5	30.92
203	Trần Đức	Hiếu	YTB008052	4	30.25	0.5	30.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Đặng Thị	Lợi	TDV017873	4	30.25	0.5	30.92
205	Nguyễn Thị Phương	Thảo	DHU021291	4	30.25	0.5	30.92
206	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	THP006590	4	29.50	1.0	30.83
207	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005916	4	28.75	1.5	30.75
208	Lê Thị Bằng	Giang	TQU001305	4	28.75	1.5	30.75
209	Đỗ Thị Mỹ	Linh	THV007289	4	28.75	1.5	30.75
210	Phùng Linh	Trang	THV013973	4	28.75	1.5	30.75
211	Dương Ngọc	Lan	TTN009134	4	28.75	1.5	30.75
212	Hoàng Hồng	Hạnh	TQU001535	4	28.75	1.5	30.75
213	Lê Thùy	Dương	KHA002017	3	30.75		30.75
214	Hoàng Thảo	Linh	SPH009555	3	30.75		30.75
215	Nguyễn Kiều	Trinh	TLA014415	3	30.75		30.75
216	Ngô Thu	Uyên	SPH019146	3	30.75		30.75
217	Nguyễn Diệu	Anh	TND000596	3	28.75	1.5	30.75
218	Tạ Hoàng	Hà	TLA004182	3	30.75		30.75
219	Tô Thị Xuân	Thanh	TLA012242	2	30.75		30.75
220	Nguyễn Đào Phương	Linh	TLA007906	2	30.75		30.75
221	Nguyễn Hà	Linh	TLA007912	1	30.75		30.75
222	Dương Mai	Ngọc	DHU014355	4	30.00	0.5	30.67
223	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TND007953	4	30.00	0.5	30.67
224	Bùi Thị	Dung	HVN001590	4	30.00	0.5	30.67
225	Trần Thị Ngọc	ánh	KQH000928	3	30.00	0.5	30.67
226	Hà Thị Ngọc	Mai	THV008379	3	30.00	0.5	30.67
227	Vũ Thu	Trang	KQH014312	3	30.00	0.5	30.67
228	Nguyễn Thị Thùy	Trang	HVN011094	2	30.00	0.5	30.67
229	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	DCN011643	1	30.00	0.5	30.67
230	Đoàn Thị	Nhàn	THP010693	4	29.25	1.0	30.58
231	Bùi Thị Mai	Phương	YTB017127	4	29.25	1.0	30.58
232	Điền Thị Thúy	Hằng	HDT007776	4	28.50	1.5	30.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Nguyễn Việt	Khánh	SPH008763	4	30.50		30.50
234	Vũ Nguyễn Hải	Đường	BKA003385	4	30.50		30.50
235	Vũ Phương	Thảo	SPH015853	4	30.50		30.50
236	Nguyễn Kiều	Anh	SPH000799	4	30.50		30.50
237	Nguyễn Thị Hà	An	THP000039	4	30.50		30.50
238	Nguyễn Thảo	My	THV008838	4	28.50	1.5	30.50
239	Phạm Thị	Lam	TTB003296	4	28.50	1.5	30.50
240	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	TTB000061	4	28.50	1.5	30.50
241	Lê Diệp	Anh	TLA000385	3	30.50		30.50
242	Lê Thị Thu	Trang	HHA014537	3	30.50		30.50
243	Nguyễn Thị Minh	Hương	TTB002990	3	28.50	1.5	30.50
244	Trần Cao ánh	Dương	HHA002782	3	30.50		30.50
245	Đặng Thị Vân	Anh	THV000152	3	28.50	1.5	30.50
246	Nguyễn Thuý	Linh	KHA005802	3	30.50		30.50
247	Trần Thị Như	Quỳnh	TTB005117	2	28.50	1.5	30.50
248	Nguyễn Nguyệt	ánh	SPH001794	2	30.50		30.50
249	Dương Diễm	Quỳnh	SPH014436	2	30.50		30.50
250	Vũ Hồ Diệu	Linh	TLA008344	1	30.50		30.50
251	Bùi Tú	Anh	DCN000078	4	29.75	0.5	30.42
252	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	4	25.75	3.5	30.42
253	Phạm Thị Hồng	Ngọc	HDT018109	4	29.75	0.5	30.42
254	Phan Cẩm	Tú	TTB007032	4	25.75	3.5	30.42
255	Vũ Thanh	Hương	HHA006977	4	29.75	0.5	30.42
256	Vũ Đức	Minh	HVN006893	3	29.75	0.5	30.42
257	Nguyễn Lê Diệu	Linh	DCN006370	2	29.75	0.5	30.42
258	Bạch Thị Sao	Mai	KQH008697	1	25.75	3.5	30.42
259	Phạm Thị Hoàng	Phương	YTB017412	4	29.00	1.0	30.33
260	Phạm Thị	Hoa	YTB008292	3	29.00	1.0	30.33
261	Nguyễn Thị	Quỳnh	HHA011806	2	29.00	1.0	30.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Cao Hà	Linh	TTN009637	4	28.25	1.5	30.25
263	Nguyễn Thị Mai	Hương	LNH004539	4	28.25	1.5	30.25
264	Đinh Ngọc	ánh	HDT001748	4	28.25	1.5	30.25
265	Lê Thị Mỹ	Hà	TND006248	4	28.25	1.5	30.25
266	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	SPH012598	4	30.25		30.25
267	Phạm Thị Phương	Anh	SPH001370	3	30.25		30.25
268	Ngô Thu	Hiền	SPH005905	3	30.25		30.25
269	Vũ Hoàng	Minh	SPH011569	3	30.25		30.25
270	Phường Hoàng Tú	Lam	TLA007315	3	30.25		30.25
271	Trần Ngọc	Minh	HHA009313	3	30.25		30.25
272	Nguyễn Quang	Quyền	SPH014377	2	30.25		30.25
273	Hoàng Thị Kim	Anh	HDT000432	2	28.25	1.5	30.25
274	Bùi Hải	Yến	LNH010934	4	25.50	3.5	30.17
275	Vũ ánh	Nguyệt	TDV021765	4	29.50	0.5	30.17
276	Trần Lê	Minh	HDT016703	4	29.50	0.5	30.17
277	Triệu Thùy	Linh	TND014767	4	25.50	3.5	30.17
278	Nguyễn Thị	Ly	DCN007040	4	29.50	0.5	30.17
279	Đàm Minh	Hằng	DCN003372	2	29.50	0.5	30.17
280	Vi Ngọc	Diệp	TND003504	2	25.50	3.5	30.17
281	Phạm Thị Thục	Anh	HHA000838	2	29.50	0.5	30.17
282	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	LNH006690	2	29.50	0.5	30.17
283	Phạm Ngọc	Anh	LNH000515	1	25.50	3.5	30.17
284	Phạm Thị Hải	Yến	TDV037071	1	29.50	0.5	30.17
285	Bùi Thị Hồng	Nhung	THV009833	4	28.75	1.0	30.08
286	Lê Minh	Hằng	YTB006958	4	28.75	1.0	30.08
287	Nguyễn Thị Hương	Giang	KQH003390	4	28.75	1.0	30.08
288	Đặng Thị	Nhạn	TND018553	4	28.75	1.0	30.08
289	Phạm Thị Thúy	Ngân	HDT017684	4	28.75	1.0	30.08
290	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	DCN006443	4	28.75	1.0	30.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Bùi Thị Phương	Anh	YTB000159	3	28.75	1.0	30.08
292	Ngô Thị Phương	Ngân	BKA009268	2	28.75	1.0	30.08
293	Đỗ Thị	Thảo	HDT023065	1	28.75	1.0	30.08
294	Trương Thị	Vi	TDV035985	1	28.75	1.0	30.08
295	Nguyễn Hồng	Anh	SPH000758	4	30.00		30.00
296	Lê Đức	Anh	HDT000506	4	28.00	1.5	30.00
297	Trịnh Khánh	Linh	THV007807	4	28.00	1.5	30.00
298	Phạm Thùy	Dung	NLS001628	4	28.00	1.5	30.00
299	Nguyễn Thu	Yến	TLA015935	4	30.00		30.00
300	Võ Hiền	Anh	KHA000732	3	30.00		30.00
301	Nguyễn Thị Sao	Mai	DHU012758	3	28.00	1.5	30.00
302	Nguyễn Trà	My	TLA009455	3	30.00		30.00
303	Cao Thị Phương	Loan	SPH010280	3	30.00		30.00
304	Lê Hồng	Anh	HDT000525	2	28.00	1.5	30.00
305	Phan Thị Ly	Na	TDV019838	2	28.00	1.5	30.00
306	Lê Võ Thủy	Tiên	TLA013596	2	30.00		30.00
307	Phan Thùy	Dung	DCN001755	4	29.25	0.5	29.92
308	Vũ Thị Minh	Anh	THP000955	4	29.25	0.5	29.92
309	Lê Thị Thúy	Hằng	DCN003409	4	29.25	0.5	29.92
310	Tô Thị Hương	Ly	TQU003485	4	25.25	3.5	29.92
311	Phan Bảo	Ngọc	HHA010187	3	29.25	0.5	29.92
312	Văn Thị	Ngọc	KQH009999	3	29.25	0.5	29.92
313	Phùng Thị Minh	Phượng	SPH013966	3	29.25	0.5	29.92
314	Trần Thị Thùy	Dương	BKA002657	2	29.25	0.5	29.92
315	Trần Thị Cẩm	Tú	THP015924	2	29.25	0.5	29.92
316	Nguyễn Thị Huyền	Anh	TDV000924	2	29.25	0.5	29.92
317	Trần Thị Hải	Yến	DCN013484	4	28.50	1.0	29.83
318	Phạm Thị	Thương	HDT025575	4	28.50	1.0	29.83
319	Nguyễn Tuấn	Anh	HDT001273	4	28.50	1.0	29.83

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Phan Thị Thu	Hoài	TDV011421	4	28.50	1.0	29.83
321	Lê Thị Thúy	Hòa	BKA005047	4	28.50	1.0	29.83
322	Hoàng Thị	Nguyệt	HDT018283	3	28.50	1.0	29.83
323	Lê Thị Thuỳ	Dương	HDT004836	3	28.50	1.0	29.83
324	Vũ Thị Thanh	Thắng	KQH013005	2	28.50	1.0	29.83
325	Nguyễn Thanh	Long	SPH010489	4	29.75		29.75
326	Đoàn Hồng	Nhung	HDT018685	4	27.75	1.5	29.75
327	Nguyễn Phương	Thanh	THV011883	4	27.75	1.5	29.75
328	Đỗ Minh	Anh	SPH000210	4	29.75		29.75
329	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	TLA015918	4	27.75	1.5	29.75
330	Nguyễn Bảo	Ngọc	DHU014489	4	27.75	1.5	29.75
331	Nguyễn Hoàng Nhật	Linh	TLA007928	3	29.75		29.75
332	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	HHA010177	3	29.75		29.75
333	Nguyễn Thùy	Linh	SPH009994	3	29.75		29.75
334	Huỳnh Phương	Ngân	KHA007040	3	29.75		29.75
335	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012533	2	29.75		29.75
336	Đào Tường	Chi	SPH002348	1	29.75		29.75
337	Nguyễn Bảo	Ngọc	DCN008081	4	29.00	0.5	29.67
338	Trần Thị Hương	Thơm	THP014004	4	29.00	0.5	29.67
339	Đậu Phương	Thảo	TDV027962	2	29.00	0.5	29.67
340	Hoàng Thùy	Linh	HDT013996	2	29.00	0.5	29.67
341	Lương Bảo	Thái	TTB005622	2	25.00	3.5	29.67
342	Dương Việt	Hà	TND006128	2	25.00	3.5	29.67
343	Lê Thị Diệp	ánh	HVN000787	1	29.00	0.5	29.67
344	Chu Thị	Quỳnh	TDV025293	4	28.25	1.0	29.58
345	Đinh Hoàng	Lộc	TLA008601	4	28.25	1.0	29.58
346	Lê Quỳnh	Chi	TDV002898	2	28.25	1.0	29.58
347	Lê Khánh	Linh	HDT014051	4	27.50	1.5	29.50
348	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001107	4	29.50		29.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Nghiêm Thị	Thơ	SPH016236	4	29.50		29.50
350	Vũ Thị Bích	Ngọc	TND018181	4	27.50	1.5	29.50
351	Chu Tuệ	Anh	SPH000174	4	29.50		29.50
352	Đỗ Ngọc Thuỷ	Dương	KHA001994	4	29.50		29.50
353	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	HHA001145	4	29.50		29.50
354	Đào Mai	Trang	BKA013308	4	29.50		29.50
355	Phạm Thị Thanh	Hương	TLA006819	3	29.50		29.50
356	Nguyễn Phương	Hà	SPH004882	3	29.50		29.50
357	Nguyễn Thị Trâm	Anh	KHA000487	3	29.50		29.50
358	Nguyễn Thu	Thảo	TND023221	3	27.50	1.5	29.50
359	Trần Anh	Thư	SPH016857	3	29.50		29.50
360	Nguyễn Anh	Quân	THV010830	1	27.50	1.5	29.50
361	Vũ Thị Thùy	Tiên	KHA010043	4	28.75	0.5	29.42
362	Nguyễn Thúy	Ngọc	LNH006708	4	24.75	3.5	29.42
363	Phạm Thị Ngọc	Huyền	HUI006171	4	28.75	0.5	29.42
364	Phạm Thị Phương	Lan	TLA007396	4	28.75	0.5	29.42
365	Lê Thị	Hoài	TDV011277	4	28.75	0.5	29.42
366	Lục Quốc	Huy	THV005589	3	24.75	3.5	29.42
367	Vũ Khánh	Linh	HVN006139	3	28.75	0.5	29.42
368	Lê Hoàng Yến	Nhi	HDT018560	3	28.75	0.5	29.42
369	Bùi Khánh	Linh	HHA007761	3	28.75	0.5	29.42
370	Vũ Thị	Xuân	THP017019	2	28.75	0.5	29.42
371	Phan Cẩm	Tú	HVN011598	4	28.00	1.0	29.33
372	Mai Thị	Hằng	KQH004245	4	28.00	1.0	29.33
373	Đào Thị Bích	Phương	YTB017178	4	28.00	1.0	29.33
374	Lê Minh	Nguyệt	TDV021670	3	28.00	1.0	29.33
375	Trần Thị Huyền	Trang	KQH014760	3	28.00	1.0	29.33
376	Trần Thị	Trang	YTB023140	3	28.00	1.0	29.33
377	Lê Thị Lan	Hương	HDT012130	3	28.00	1.0	29.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Bùi Thị Kim	Dung	YTB003465	2	28.00	1.0	29.33
379	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	HHA004387	1	28.00	1.0	29.33
380	Trần Tiến	Đạt	SPH003993	4	29.25		29.25
381	Nguyễn Thảo	Phương	THV010523	4	27.25	1.5	29.25
382	Trương ánh	Mai	TND016104	4	27.25	1.5	29.25
383	Lê Thái	Anh	THV000278	4	27.25	1.5	29.25
384	Phạm Thị Nam	Phương	HHA011250	4	29.25		29.25
385	Phạm Quốc	Anh	SPH001347	3	29.25		29.25
386	Hà Nhật	Thăng	TLA012742	3	29.25		29.25
387	Hoàng Hải	Ly	TND015644	3	27.25	1.5	29.25
388	Nguyễn Thị Kim	Quý	HHA011590	2	27.25	1.5	29.25
389	Trần Minh	Anh	BKA000870	2	29.25		29.25
390	Nguyễn Lan	Hương	SPH008306	2	29.25		29.25
391	Đặng Thị	Nhung	HDT018683	1	27.25	1.5	29.25
392	Bùi Thúy	Nương	LNH007085	4	24.50	3.5	29.17
393	Nguyễn ánh	Ngọc	HDT018011	4	28.50	0.5	29.17
394	Nghiêm Ngọc	ánh	HHA001120	4	28.50	0.5	29.17
395	Đoàn Thị Khánh	Hoà	KQH005130	4	28.50	0.5	29.17
396	Hứa Thị Thảo	Ly	TND015641	4	24.50	3.5	29.17
397	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	3	24.50	3.5	29.17
398	Tô Thị Thanh	Thảo	TND023321	3	24.50	3.5	29.17
399	Nguyễn Thị Thùy	Trang	HVN011102	3	28.50	0.5	29.17
400	Nguyễn Anh	Hùng	THV005446	3	28.50	0.5	29.17
401	Trần Bùi Ngọc	Oanh	BKA010104	2	28.50	0.5	29.17
402	Ngô Thị	Thủy	SPH016579	4	27.75	1.0	29.08
403	Bùi Thị Hoàng	Yến	THV015553	4	27.75	1.0	29.08
404	Nguyễn Thị	Mai	YTB014017	4	27.75	1.0	29.08
405	Nguyễn Thị Phương	Anh	HDT001163	4	27.75	1.0	29.08
406	Đặng Thị	Hằng	YTB006931	3	27.75	1.0	29.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Bùi Thị Thúy	An	TDV000032	3	25.75	2.5	29.08
408	Nguyễn Thị	Linh	HDT014490	3	27.75	1.0	29.08
409	Phạm Nhật	Lệ	KHA005438	3	27.75	1.0	29.08
410	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006049	3	27.75	1.0	29.08
411	Phạm Ngọc	Hà	HHA003858	4	29.00		29.00
412	Nguyễn Kim	Anh	LNH000323	4	27.00	1.5	29.00
413	Trịnh Hoài	Đức	TND005702	4	27.00	1.5	29.00
414	Đàm Nhật	Linh	KHA005549	4	29.00		29.00
415	Phạm Trà	Giang	HHA003562	4	29.00		29.00
416	Phạm Thị	Nga	HHA009767	4	29.00		29.00
417	Nguyễn Thị Tú	Uyên	HDT029358	4	27.00	1.5	29.00
418	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	HDT030383	3	27.00	1.5	29.00
419	Nguyễn Phương	Linh	BKA007595	3	29.00		29.00
420	Tạ Hoàng	An	TLA000073	2	29.00		29.00
421	Nguyễn Bảo	Linh	KHA005504	2	29.00		29.00
422	Nguyễn Nhật	Linh	TLA008002	2	29.00		29.00
423	Nguyễn Phương	Huyền	BKA006004	2	29.00		29.00
424	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên	SPH012748	1	29.00		29.00
425	Lê Thị Thanh	Hằng	THV004031	1	27.00	1.5	29.00
426	Nguyễn Hà	Thủy	SPH016585	1	29.00		29.00
427	Bế Ngọc	ánh	TND001235	4	24.25	3.5	28.92
428	Nguyễn Minh	Khanh	BKA006686	3	28.25	0.5	28.92
429	Nguyễn Thị Thu	Nga	KQH009562	3	28.25	0.5	28.92
430	Dương Khánh	Linh	YTB012392	3	28.25	0.5	28.92
431	Nguyễn Đức	Anh	HVN000296	2	28.25	0.5	28.92
432	Nguyễn Thị	Thủy	HVN010311	4	27.50	1.0	28.83
433	Ngô Thị	Nhàn	BKA009759	4	27.50	1.0	28.83
434	Phạm Thị Mỹ	Linh	KHA005871	3	27.50	1.0	28.83
435	Đỗ Thị	Hằng	HDT007761	3	27.50	1.0	28.83

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

Trang 16

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Phạm Thị Trang	Thu	YTB020964	2	27.50	1.0	28.83
437	Tống Thị	Chinh	TND002555	3	26.75	1.5	28.75
438	Ngô Thị Linh	Huyền	HHA006315	3	26.75	1.5	28.75
439	Nguyễn Đức	Tú	TLA014755	2	28.75		28.75
440	Đỗ Thị	Vân	TND029031	2	26.75	1.5	28.75
441	Nguyễn Hoàng	Hiếu	SPH006304	2	28.75		28.75
442	Tạ Ngọc Bảo	Thư	TQU005549	2	26.75	1.5	28.75
443	Chu Sơn	Nguyên	HHA010273	1	28.75		28.75
444	Nguyễn Phương	Anh	TND000683	4	28.00	0.5	28.67
445	Võ Thị Ngọc	Loan	TDV017618	3	28.00	0.5	28.67
446	Nguyễn Ngọc	Anh	YTB000683	3	28.00	0.5	28.67
447	Trần Thị Huyền	Trâm	TDV033324	3	28.00	0.5	28.67
448	Kiều Thị Mai	Anh	KQH000222	2	28.00	0.5	28.67
449	Trịnh Hồng	Vân	HDT029662	1	28.00	0.5	28.67
450	Bùi Thị Ngọc	Anh	YTB000153	4	27.25	1.0	28.58
451	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	SPH012752	3	27.25	1.0	28.58
452	Nguyễn Tiến	Đạt	YTB004791	2	27.25	1.0	28.58
453	Nguyễn Thị Thảo	Phương	TTB004914	4	26.50	1.5	28.50
454	Nguyễn Thị Anh	Thư	HHA013974	4	28.50		28.50
455	Vũ Thị Minh	Hằng	TQU001666	3	26.50	1.5	28.50
456	Lê Thị Phương	Linh	TTB003488	3	26.50	1.5	28.50
457	Trương Diệu	Linh	TLA008328	2	28.50		28.50
458	Nguyễn Phương	Anh	BKA000546	2	28.50		28.50
459	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005911	1	26.50	1.5	28.50
460	Đoàn Lan	Anh	KQH000174	4	27.75	0.5	28.42
461	Lê Thị Hồng	Xoan	TDV036622	4	27.75	0.5	28.42
462	Bùi Thị Hà	Trang	HHA014388	4	27.75	0.5	28.42
463	Nguyễn Thanh	Quý	KQH011380	3	27.75	0.5	28.42
464	Đinh Thị	Hài	THP004052	3	27.75	0.5	28.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

Trang 17

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Ngô Thị Minh	Thúy	YTB021515	2	27.75	0.5	28.42
466	Nguyễn Thanh	Thư	HDT025355	2	27.75	0.5	28.42
467	Đào Thị Thanh	Nga	HHA009701	2	27.75	0.5	28.42
468	Vũ Thị Minh	Hằng	YTB007203	4	27.00	1.0	28.33
469	Lã Thị Kim	Dung	KQH002036	4	27.00	1.0	28.33
470	Dương Thị	Hằng	SPH005525	4	27.00	1.0	28.33
471	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006071	3	27.00	1.0	28.33
472	Lê Thị	Giang	HDT006294	3	27.00	1.0	28.33
473	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018328	3	27.00	1.0	28.33
474	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	4	26.25	1.5	28.25
475	Nguyễn Thị Lam	Hoa	TND008799	4	26.25	1.5	28.25
476	Lê Đình	Hiệp	TLA004967	4	28.25		28.25
477	Nguyễn Quang	Thịnh	TND024009	3	26.25	1.5	28.25
478	Nguyễn Thị Trung	Anh	BKA000639	3	28.25		28.25
479	Nguyễn Phương	Trinh	SPH017987	3	28.25		28.25
480	Tạ Trần Thu	Hiền	TQU001742	3	26.25	1.5	28.25
481	Hoàng Chi	Linh	THV007377	2	26.25	1.5	28.25
482	Đỗ Thị Linh	Trang	SPH017310	2	28.25		28.25
483	Bùi Thị	Giang	DCN002642	4	23.50	3.5	28.17
484	Phạm Thị Thu	Trang	TND026670	4	27.50	0.5	28.17
485	Nguyễn Hồng	Hạnh	THV003877	3	27.50	0.5	28.17
486	Phan Thùy	Nhung	KQH010367	3	27.50	0.5	28.17
487	Phạm Thị Hồng	Nhung	HDT018961	3	23.50	3.5	28.17
488	Trần Thu	Hà	THV003635	3	27.50	0.5	28.17
489	Nguyễn Thị Kim	Anh	DHU000557	1	27.50	0.5	28.17
490	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KQH014548	3	26.75	1.0	28.08
491	Đặng Thị	Hường	BKA006562	2	26.75	1.0	28.08
492	Đào Thị Lan	Anh	YTB000304	2	26.75	1.0	28.08
493	Trịnh Thị	Tuyến	BKA014634	2	26.75	1.0	28.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Đặng Thị Thủy	Tiên	THP014689	2	26.75	1.0	28.08
495	Nguyễn Phan Mỹ	Anh	HHA000540	4	28.00		28.00
496	Đỗ Duy	Khánh	HHA007171	4	28.00		28.00
497	Lê Thị Thảo	Linh	BKA007469	3	28.00		28.00
498	Trần Thị Hà	Phượng	THP011725	2	28.00		28.00
499	Nguyễn Phương	Trang	TLA014066	1	28.00		28.00
500	Nguyễn Viết	Lãm	TQU002909	1	26.00	1.5	28.00
501	Lê Thị Hương	Giang	SPH004513	4	27.25	0.5	27.92
502	Kiều Phương	Linh	DCN006281	4	27.25	0.5	27.92
503	Chu Liên	Thương	TTB006484	3	23.25	3.5	27.92
504	Sâm Thị Diệu	Sương	TDV026589	3	23.25	3.5	27.92
505	Vũ Gia	Khiêm	DCN005712	3	27.25	0.5	27.92
506	Đỗ Thị Minh	Thu	HHA013514	2	27.25	0.5	27.92
507	Đặng Đình Anh	Đức	YTB005231	2	27.25	0.5	27.92
508	Hứa Thị	Thùy	THV012959	1	23.25	3.5	27.92
509	Nguyễn Thị Châu	Anh	HHA000574	1	27.25	0.5	27.92
510	Quyên Thị Thúy	Nga	BKA009190	1	27.25	0.5	27.92
511	Lê Phương	Thảo	YTB019704	4	26.50	1.0	27.83
512	Nguyễn Phương	Anh	YTB000714	4	26.50	1.0	27.83
513	Bế Phương	Linh	TLA007593	3	26.50	1.0	27.83
514	Phan Thị	Phượng	BKA010481	3	26.50	1.0	27.83
515	Phạm Khắc	Điệp	YTB005000	3	26.50	1.0	27.83
516	Nguyễn Thị	Thu	HVN010121	2	26.50	1.0	27.83
517	Nguyễn Thị Nhật	Linh	HDT014571	1	26.50	1.0	27.83
518	Trần Thị Lệ	Quyên	NLS010028	4	25.75	1.5	27.75
519	Phạm Thu	Trang	HHA014774	4	25.75	1.5	27.75
520	Dương Thị Thanh	Mai	THV008356	3	25.75	1.5	27.75
521	Nguyễn Hồng	Nhung	BKA009928	3	27.75		27.75
522	Nguyễn Thị Phương	Linh	HHA008112	3	27.75		27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Lương Mỹ	Duyên	SPH003487	2	27.75		27.75
524	Dương Đức	Anh	BKA000119	2	27.75		27.75
525	Bùi Thu	Hằng	TLA004528	1	27.75		27.75
526	Nguyễn Thị	Hường	TND012187	1	25.75	1.5	27.75
527	Nguyễn Phương	Ly	TLA008796	1	27.75		27.75
528	Trịnh Thị Phương	Anh	HDT020299	4	27.00	0.5	27.67
529	Vi Thị Kim	Ngân	THV009296	4	27.00	0.5	27.67
530	Đỗ Thị Ngọc	Linh	BKA007354	3	27.00	0.5	27.67
531	Đào Thị Ngọc	Ngà	HHA009794	2	27.00	0.5	27.67
532	Đinh Hoàng Thùy	Linh	TQU003083	1	23.00	3.5	27.67
533	Lại Thị Nhật	Anh	TND000506	2	26.25	1.0	27.58
534	Nguyễn Thị Trà	My	HVN006951	2	26.25	1.0	27.58
535	Nguyễn Ngọc Tố	Anh	THP000474	1	26.25	1.0	27.58
536	Tống Văn	Tài	HDT022074	4	25.50	1.5	27.50
537	Lê Thị Thu	Hoài	TDV011294	4	25.50	1.5	27.50
538	Bùi Lan	Phượng	KHA007884	3	27.50		27.50
539	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	SPH009919	3	27.50		27.50
540	Chu Quỳnh	Chi	BKA001514	2	27.50		27.50
541	Đồng Thị Lan	Anh	THP000240	2	25.50	1.5	27.50
542	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	TDV033267	2	25.50	1.5	27.50
543	Doãn Thúy	Hằng	TLA004532	2	27.50		27.50
544	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	HDT018034	4	26.75	0.5	27.42
545	Lê Ngọc	Nhung	HVN007791	4	26.75	0.5	27.42
546	Lý Thị Ngọc	Trâm	TND026831	4	22.75	3.5	27.42
547	Hoàng Thị	Hằng	TND007292	4	22.75	3.5	27.42
548	Tạ Thị	Nga	HDT017518	3	26.75	0.5	27.42
549	Trần Thị Thuỳ	Anh	YTB001313	3	26.75	0.5	27.42
550	Phạm Thị Thương	Thương	TTB006514	1	22.75	3.5	27.42
551	Mạc Kim	Chi	TND002257	1	22.75	3.5	27.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	4	26.00	1.0	27.33
553	Nguyễn Thị	Linh	TDV016826	4	26.00	1.0	27.33
554	Lê Thị	Hoan	TLA005465	3	26.00	1.0	27.33
555	Nguyễn Thị	Bích	HDT002091	3	26.00	1.0	27.33
556	Lê Thị	Nhâm	TLA010380	3	26.00	1.0	27.33
557	Phạm Thị	Hường	YTB011083	2	26.00	1.0	27.33
558	Thịnh Thái	Thảo	SPH015812	4	27.25		27.25
559	Lê Đức	Mạnh	BKA008509	3	27.25		27.25
560	Phạm Hồng	Loan	TLA008406	3	25.25	1.5	27.25
561	Nguyễn Thị Minh	Huyền	SPH007875	3	27.25		27.25
562	Lương Mỹ	Linh	SPH009648	2	27.25		27.25
563	Nguyễn Thu	Trang	SPH017686	2	27.25		27.25
564	Nguyễn Thu	Huyền	HHA006421	2	27.25		27.25
565	Nguyễn Hạnh	Uyên	SPH019147	1	27.25		27.25
566	Trần Khánh	Linh	TLA008251	4	26.50	0.5	27.17
567	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	SPH017616	4	26.50	0.5	27.17
568	Phan Lê	Bình	TND001919	4	26.50	0.5	27.17
569	Hoàng Ngọc	Chi	TND002224	4	22.50	3.5	27.17
570	Nguyễn Thanh	Mai	LNH005973	4	26.50	0.5	27.17
571	Nguyễn Thị	Linh	LNH005370	4	26.50	0.5	27.17
572	Nguyễn Thị Minh	Nhật	TND018640	4	26.50	0.5	27.17
573	Hà Thị Minh	Phượng	YTB017212	3	26.50	0.5	27.17
574	Phạm Thị Thanh	Nguyệt	SPH012840	3	26.50	0.5	27.17
575	Dương Thị Mỹ	Linh	HDT013796	3	26.50	0.5	27.17
576	Nông Hoàng	Như	TND019104	2	22.50	3.5	27.17
577	Nguyễn Thị Thanh	Hà	BKA003702	2	26.50	0.5	27.17
578	Bùi Thị Ngọc	Trâm	HDT027311	4	25.75	1.0	27.08
579	Nguyễn Thị	Tuyền	SPH018992	3	25.75	1.0	27.08
580	Phan Thị Thu	Hảo	TLA004517	3	25.75	1.0	27.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Nguyễn Thị Vân	Huyền	KQH006295	2	25.75	1.0	27.08
582	Hồ Minh	Anh	SPH000347	3	27.00		27.00
583	Phạm Huyền	Cơ	TLA002178	3	27.00		27.00
584	Trần Hương	Giang	DCN002754	4	26.25	0.5	26.92
585	Giáp Thị Hồng	Thanh	TND022416	3	26.25	0.5	26.92
586	Nguyễn Vũ Thảo	Linh	YTB012920	3	26.25	0.5	26.92
587	Nguyễn Minh	Diễm	HVN001527	3	26.25	0.5	26.92
588	Vũ Hoàng	Long	THP008850	3	25.50	1.0	26.83
589	Trần Văn	Phúc	HDT019575	2	25.50	1.0	26.83
590	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	4	24.75	1.5	26.75
591	Lê Thảo	Nhi	HHA010455	4	24.75	1.5	26.75
592	Đào Mai	Hương	BKA006352	3	24.75	1.5	26.75
593	Hồ Nam	Sơn	THV011404	3	24.75	1.5	26.75
594	Nguyễn Tiến	Đạt	BKA002867	4	26.00	0.5	26.67
595	Đỗ Thị Thanh	Huyền	SPH007696	3	26.00	0.5	26.67
596	Mai Thục	Anh	HDT000865	2	26.00	0.5	26.67
597	Trần Thị	Diệu	KHA001593	4	25.25	1.0	26.58
598	Nguyễn Thị	Mỹ	HVN006967	4	25.25	1.0	26.58
599	Phạm Thị	ánh	YTB001658	4	25.25	1.0	26.58
600	Vũ Thị	Ngọc	THP010524	4	25.25	1.0	26.58
601	Vũ Thị Thuỳ	Dương	YTB004488	3	25.25	1.0	26.58
602	Phạm Thị	Hương	YTB010837	2	25.25	1.0	26.58
603	Nguyễn Tùng	Anh	SPH001209	3	26.50		26.50
604	Nguyễn Thùy	Linh	LNH005432	3	24.50	1.5	26.50
605	Lê Trần Thu	Uyên	SPH019144	2	26.50		26.50
606	Nguyễn Thùy	Dung	TND003779	1	24.50	1.5	26.50
607	Vũ Thị	Hiền	DCN003795	1	24.50	1.5	26.50
608	Phạm Thị Như	Quỳnh	BKA011118	4	25.75	0.5	26.42
609	Nguyễn Thu	Hiền	HHA004642	3	25.75	0.5	26.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Dương Hoàn	Yến	YTB025657	2	25.75	0.5	26.42
611	Bùi Thị ánh	Ngọc	YTB015566	2	25.75	0.5	26.42
612	Nguyễn Phương	Anh	KHA000395	2	25.75	0.5	26.42
613	Nguyễn Thị Hoài	Thương	TDV031055	2	25.75	0.5	26.42
614	Hà Huy	Quyền	THP012209	4	25.00	1.0	26.33
615	Trần Thị Thùy	Trang	YTB023124	3	25.00	1.0	26.33
616	Mai Thị Thúy	Hà	BKA003663	2	25.00	1.0	26.33
617	Lê Thị Thu	Hằng	HHA004348	1	25.00	1.0	26.33
618	Lại Thu	Trang	TLA014006	4	24.25	1.5	26.25
619	Lê Thị Bích	Diệp	HDT003606	4	24.25	1.5	26.25
620	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	TDV016929	4	25.50	0.5	26.17
621	Lê Thị Mỹ	Hạnh	THP004261	4	25.50	0.5	26.17
622	Nguyễn Thị Minh	Anh	HDT001116	4	25.50	0.5	26.17
623	Phạm Thị Hồng	Duyên	SPH003518	3	25.50	0.5	26.17
624	Nguyễn Hà	Phương	TDV023906	4	24.75	1.0	26.08
625	Nguyễn Thị Vân	Anh	BKA000642	2	24.75	1.0	26.08
626	Phùng Mạnh	Cường	KHA001490	4	25.25	0.5	25.92
627	Nguyễn Minh	Nguyệt	LNH006806	3	21.25	3.5	25.92
628	Bùi Thu	Trang	LNH009653	2	21.25	3.5	25.92
629	Hoàng Quốc	Việt	KQH016170	3	24.50	1.0	25.83
630	Trần Thị Hà	Phương	SPH013865	4	25.75		25.75
631	Vũ Minh	Nguyệt	BKA009733	3	25.75		25.75
632	Nguyễn Tường	Vi	SPH019349	1	25.75		25.75
633	Nguyễn Thùy	Tiên	TND025492	4	25.00	0.5	25.67
634	Hoàng Thị	Hường	KQH006851	4	21.00	3.5	25.67
635	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	4	21.00	3.5	25.67
636	Vũ Thị	Thảo	BKA012056	3	25.00	0.5	25.67
637	Lò Văn	Thủy	TTB006374	3	21.00	3.5	25.67
638	Trần Thị Minh	Tuyến	SPH019031	2	25.50		25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Hoàng	Hiệp	LNH003234	1	23.50	1.5	25.50
640	Nguyễn Thị	Thìn	THP013840	3	24.75	0.5	25.42
641	Hoàng Ngọc	Chi	TND002326	3	24.75	0.5	25.42
642	Ngô Thị Kim	Chi	TLA001872	2	24.75	0.5	25.42
643	Đoàn Mỹ	Hạnh	HHA004179	2	24.75	0.5	25.42
644	Chu Nhật	Lệ	TND013651	1	23.25	1.5	25.25
645	Đoàn Thị Huệ	Anh	SPH000331	4	24.50	0.5	25.17
646	Nguyễn Huyền	Trang	HDT026719	4	24.50	0.5	25.17
647	Nguyễn Hồng	Nhung	TND018908	4	20.50	3.5	25.17
648	Nguyễn Thị Thu	Hiền	THP004853	4	24.50	0.5	25.17
649	Lương Thị Linh	Chi	HDT002535	3	20.50	3.5	25.17
650	Hoàng Hồng	Sinh	SPH014677	4	23.75	1.0	25.08
651	Nông Thị	Xâm	TND029728	4	20.25	3.5	24.92
652	Nông Thị	Vìn	TND029364	4	20.25	3.5	24.92
653	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	HDT026824	4	24.25	0.5	24.92
654	Vũ Hà	Nhi	KHA007504	4	24.25	0.5	24.92
655	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	4	20.25	3.5	24.92
656	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	SPH012589	3	24.25	0.5	24.92
657	Nguyễn Thị	Thành	LNH008353	1	24.25	0.5	24.92
658	Đỗ Thị	Thiện	HDT023973	4	23.50	1.0	24.83
659	Nguyễn Thị Hải	Yến	YTB025772	4	23.50	1.0	24.83
660	Lê Thu	Hà	HDT006724	3	23.50	1.0	24.83
661	Nguyễn Ngọc	Huyền	KHA004543	1	24.75		24.75
662	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	4	24.00	0.5	24.67
663	Lê Hồng	Tuấn	HDT028221	4	24.00	0.5	24.67
664	Đỗ Thị	Quỳnh	BKA011028	2	23.25	1.0	24.58
665	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	4	22.50	1.5	24.50
666	Nguyễn Thị Phương	Hoa	TND008807	3	22.50	1.5	24.50
667	Bùi Hoàng	Tiến	TLA013624	1	24.50		24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Hoàng Linh	Đan	HHA002851	4	23.75	0.5	24.42
669	Lầu Thị	Báu	TTB000350	1	19.75	3.5	24.42
670	Nguyễn Thị	Mai	HVN006605	4	23.00	1.0	24.33
671	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	3	23.00	1.0	24.33
672	Nguyễn Thị	Hội	LNH003779	4	22.25	1.5	24.25
673	Đặng Thị Hồng	Nhung	TND018808	2	22.25	1.5	24.25
674	Nguyễn Thị Anh	Thư	LNH009324	1	22.25	1.5	24.25
675	Trần Minh	Hằng	KHA003290	1	23.50	0.5	24.17
676	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	4	22.00	1.5	24.00
677	Phạm Thị Tuyết	Hoa	THV004777	1	22.00	1.5	24.00
678	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	4	23.25	0.5	23.92
679	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	4	19.25	3.5	23.92
680	Lường Thị	Lan	TTB003316	1	19.25	3.5	23.92
681	Nguyễn Minh	Đức	THV003055	1	23.25	0.5	23.92
682	Đậu Thị Quỳnh	Chi	TDV002882	1	23.25	0.5	23.92
683	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	4	22.50	1.0	23.83
684	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	TDV009240	3	22.50	1.0	23.83
685	Nguyễn Thị	Thuỷ	TND024611	4	21.75	1.5	23.75
686	Đỗ Thị Minh	Thu	TLA013130	3	23.75		23.75
687	Vũ Tiến	Hùng	THV006098	1	21.75	1.5	23.75
688	Nguyễn Thị	Huyền	TTB002829	1	21.75	1.5	23.75
689	Đào Huyền	My	TND016779	4	23.00	0.5	23.67
690	Hà Thúy	Hằng	SPH005548	4	23.00	0.5	23.67
691	Nguyễn Thị Huyền	Trang	YTB022768	3	23.00	0.5	23.67
692	Trịnh Thị	Chinh	KHA001266	4	22.25	1.0	23.58
693	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	3	22.25	1.0	23.58
694	Đào Anh	Quỳnh	THV011035	4	21.50	1.5	23.50
695	Bùi Thu	Thủy	HVN010237	2	23.50		23.50
696	Nguyễn Hồng	Diệp	TND005166	4	18.75	3.5	23.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Bùi Yến	Chi	THP001482	4	22.00	1.0	23.33
698	Ngô Thị Hồng	Nhung	TDV022385	4	21.75	1.0	23.08
699	Trần Thị Bích	Hạnh	YTB006734	1	21.75	1.0	23.08
700	Vũ Thị Thu	Trang	NLS013364	4	21.00	1.5	23.00
701	Phạm Hương	Thảo	TLA012638	3	23.00		23.00
702	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	4	18.25	3.5	22.92
703	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	3	22.25	0.5	22.92
704	Trần Thị Ngọc	Anh	BKA000925	2	22.25	0.5	22.92
705	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	4	21.50	1.0	22.83
706	Nguyễn Bình	Dương	TTB001355	3	20.75	1.5	22.75
707	Chắc Kiều	Hoài	TQU001983	4	18.00	3.5	22.67
708	Trần Thị	Giang	TDV007480	4	22.00	0.5	22.67
709	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	TND008803	4	22.00	0.5	22.67
710	Phàn Mấy	Lẫy	DCN005972	2	18.00	3.5	22.67
711	Nguyễn Thị Kim	Thoan	TLA013090	4	21.25	1.0	22.58
712	Phạm Thị Hà	Trang	YTB022998	4	21.25	1.0	22.58
713	Trần Thị Trà	Giang	TDV007503	4	21.25	1.0	22.58
714	Chu Thị Thục	Anh	YTB000193	4	21.25	1.0	22.58
715	Lương Thị	Linh	YTB012604	3	21.25	1.0	22.58
716	Trương Thị Hồng	Mai	YTB014137	1	21.25	1.0	22.58
717	Phạm Văn	Tú	THP015915	1	21.25	1.0	22.58
718	Đỗ Thu	Hoài	THV004886	3	17.75	3.5	22.42
719	Nguyễn Thị	Thu	YTB020925	4	21.00	1.0	22.33
720	Đoàn Diễm	My	TLA009384	1	22.25		22.25
721	Bàn Kiều Phương	Chinh	HDT002702	1	17.50	3.5	22.17
722	Đỗ Thu	Thủy	KHA009775	4	22.00		22.00
723	Nông Thị	Bốn	TND001954	3	17.25	3.5	21.92
724	Vũ Nguyễn Nhật	Minh	HVN006894	1	21.25	0.5	21.92
725	Vương Thị Khánh	Huyền	THP006756	4	20.50	1.0	21.83

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 15/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Nguyễn Hồng	Anh	THP000433	4	20.50	1.0	21.83
727	Nguyễn Thị Phương	An	HVN000021	3	20.50	1.0	21.83
728	Vương Thị Thu	Phương	THV010598	2	19.75	1.5	21.75
729	Nông Thị Minh	Thu	TND024423	1	17.00	3.5	21.67
730	Trần Thị	Hà	HDT006976	4	20.25	1.0	21.58
731	Tự Thị Mỹ	Linh	THP008529	1	20.25	1.0	21.58
732	Đào Thị	Thu	HVN010083	4	20.00	1.0	21.33
733	Nhâm Thị	Ngân	YTB015402	2	19.75	1.0	21.08
734	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	4	19.00	1.5	21.00
735	Trần Đức Trọng	Đạt	HVN002179	3	20.25	0.5	20.92
736	Lê Thu	Thảo	YTB019721	1	19.50	1.0	20.83
737	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	4	18.75	1.5	20.75
738	Trần Thị	Phượng	HHA011396	4	16.00	3.5	20.67
739	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016405	2	19.00	1.0	20.33
740	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	4	15.50	3.5	20.17
741	Lê Thị	Trang	TLA013996	4	18.75	1.0	20.08
742	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	4	15.25	3.5	19.92
743	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	4	17.75	1.5	19.75
744	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	HVN008861	4	19.00	0.5	19.67
745	Vũ Thị	ánh	TND001455	1	17.00	1.5	19.00
746	Trần Thị	Hường	THP006773	2	17.50	1.0	18.83
747	Thào A	Tăng	TTB005526	4	13.75	3.5	18.42
748	Đỗ Anh	Đức	BKA003138	4	16.50	1.0	17.83
749	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	4	16.50	1.0	17.83
750	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	4	16.25	1.0	17.58
751	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	4	15.50	1.5	17.50
752	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	4	15.00	1.5	17.00
753	Phạm Thị Hoài	Thu	HDT024494	4	14.50	1.5	16.50

